TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/ HS - ST
Ngày 28 - 10 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng
2. Ông Trương Công Định

- Thư ký phiên Tòa: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Ông Lại Văn Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 139/2022/TLST - HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2022/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 10 năm 2022 đối với: Bị cáo **Khiếu Hữu S**, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1962. Hộ khẩu thường trú: Tổ 02 (tổ 09 cũ), phường ĐT, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Số nhà 25, tổ 13, phường TP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khiếu Hữu D (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C (Đã chết).Vợ: Phạm Thị D (Đã chết). Có một con sinh năm 1991.

Nhân thân: Bản án số 35 ngày 19/4/1996 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/01/1996 về tội: "Tổ chức dùng chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù tháng 7/1998, chấp hành xong án phí ngày 28/9/1996.

- Bản án số 24/1992/HSST ngày 15/5/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/1991 về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Chấp hành xong hình phạt tù tháng 5/1992, chấp hành xong án phí ngày 18/6/1992.

- Bản án số 41/1988/HSST ngày 07/7/1988 của Tòa án nhân dân thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/4/1988 về tội "Trộm cắp tài sản của công dân". Chấp hành xong hình phạt tù năm 1990, chấp hành án phí 300.000 đồng qua rà soát trên hệ thống không còn lưu trữ.

- Bản án số 2325/2000/HSPT ngày 21/11/2000 của Tòa phúc thẩm tại Hà Nội xử phạt 07 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2000 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/2006, được miễn nghĩa vụ thi hành án theo Quyết định số 45 ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Bản án số 22/2012/HSST ngày 16/02/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xử phạt 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2011 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/7/2018, chấp hành xong án phí ngày 05/9/2012.

- Quyết định đưa vào cơ sở giáo dục số 3282 ngày 28/11/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 30/11/2010.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 10/8/2021 của Công an phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản. Chấp hành xong ngày 06/12/2021.

Tiền án: Không.

Bị cáo được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

* *Bị hại:*Anh Bùi Đức Q, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số nhà 204, đường Trần TT, tổ 10, phường BX, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Chị Phùng Thị T, sinh năm 1977, Nơi cư trú: Số nhà 328, đường LĐH, tổ 12, phường KB, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

**Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Số nhà 31, ngõ 7, đường NQB, tổ 21- 22, phường LHP, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Vũ Văn T, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn CT, xã VH, huyện KT, tỉnh Hải Dương.

(*Vắng mặt:* Anh Q, chị T, chị V, anh T1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02/8/2022, Khiếu Hữu S đi bộ lang thang trên các tuyến đường để nhặt phế liệu. Khi đi qua vỉa hè đường Phạm Đôn Lễ, thuộc tổ 21-22, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, S nhìn thấy 01 cuộn inox dài 34,12m; rộng 1,26m; dày 0,6mm; nặng 129kg của anh Bùi Đức Quân, sinh năm 1988, trú tại số nhà 204, đường Trần Thái Tông, tổ 10, phường Bồ Xuyên, thành phố Thái Bình để trên vỉa hè không có khóa dây, S nảy sinh ý định trộm cắp cuộn inox đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. S nhặt một đoạn gậy dài khoảng 01m ở gần đấy rồi dùng gậy đẩy cuộn inox từ vỉa hè xuống đường, sau đó dùng chân phải và gậy đẩy cuộn inox về phía ngã 3 đường Phạm Quang Lịch giao với đường Lê Quý Đôn và để ở đường. S đi bộ về nhà lấy chiếc xe máy nhãn hiệu Wave @ màu đỏ, biển kiểm soát 34M4-5483 phía sau có chiếc xe lôi 03 bánh đi ra để chở cuộn inox mang đi bán. Do cuộn inox nặng nên S không bê được, S đứng chờ xem có ai đi ngang qua thì nhờ bê lên hộ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, S đi bộ ra quán nước chè ở gần đấy của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957, trú tại tổ 21-22, phường Tiền Phong thấy có 03 người công nhân (chưa xác định được tên, tuổi, địa chỉ) đang ngồi uống nước, S nhờ 03 người này đến bê hộ cuộn inox lên xe lôi, S điều khiển xe chở cuộn inox đến quán thu mua phế liệu của bà Phùng Thị T, sinh năm 1977, trú tại số nhà 328, đường Lê Đại Hành, tổ 12, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình bán với giá là 1.800.000 đồng, S đã tiêu xài cá nhân hết 1.500.000 đồng. Sáng ngày 02/8/2022, anh Q phát hiện bị mất 01 cuộn inox nên đã đến Công an phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình kết luận: Trị giá tài sản tại thời điểm định giá ngày 02/8/2022 là 11.000.000 đồng.

Tại phiên Tòa bị cáo S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 155/CT- VKSTPTB ngày 11/10/2022, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Khiếu Hữu S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo S về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 155/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Khiếu Hữu S. Xử phạt bị cáo S từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Đức Q đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thiệt hại bị xâm phạm nên không giải quyết. Chị Phùng Thị T không yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền bán cuộn inox nên không giải quyết. Không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo S không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên về bản luận tội đối với bị cáo tại phiên Tòa. Bị cáo S nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo, bị hại và người chứng kiến không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên Tòa hôm nay phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Báo cáo đề xuất của Công an phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, Bản ảnh xem xét dấu vết trên đồ vật; Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 04/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình; Biên bản xác định vị trí, địa điểm, truy tìm vật; Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật; niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Lời khai của người bị hại anh Bùi Đức Q; Lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: chị Phùng Thị T; Lời khai người chứng kiến là bà Nguyễn Thị V và anh Vũ Văn T1. Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 02/8/2022, tại khu vực bãi để các cuộn inox ở vỉa hè đường Phạm Đôn Lễ, thuộc tổ 21-22, phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, Khiếu Hữu S có hành vi lén lút trộm cắp 01 cuộn inox dài 34,12m; rộng 1,26m; dày 0,6mm; nặng 129 kg của anh Bùi Đức Q, trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 11.000.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo S đã phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội đúng pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3]. Đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo S đã có hành vi bí mật lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Q nên bị cáo đã chiếm đoạt của anh Qmột cuộn inox, trị giá tài sản chiếm đoạt 11.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo Khiếu Hữu S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của bị cáo:

[4.1]. Bị cáo có nhân thân xấu. Bị cáo đã bị kết án về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; tội: "Vận chuyển trái phép chất ma túy"; tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo có một tiền sự và đã bị áp dụng biện pháp đưa vào Cơ sở giáo dục.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về hình phạt:

[5.1]. Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần thiết phải xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[5.2]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo S có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Đức Q đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thệt hại do tài sản bị xâm phạm nên không phải giải quyết. Chị Phùng Thị T không yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền bán cuộn inox nên không giải quyết.

[7]. Về vật chứng: Đối với xe môtô nhãn hiệu Wave @ màu đỏ, biển kiểm soát 34M4 - 5483 là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo chiếc xe trên cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với số tiền 300.000 đồng Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo là khoản tiền còn lại do bị cáo bán một cuộn inox cho chị Phùng Thị T mà có, chị T cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo phải trả khoản tiền trên nên cần trả lại bị cáo 300.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với một xe lôi 03 bánh tự chế là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo. Đối với một đăng ký xe môtô số 0041562 mang tên Vũ Văn T1 thuộc quyền sở hữu của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[8]. Về vấn đề khác trong vụ án: Đối với chị Phùng Thị T khi mua chị T không biết đây là tài sản bị cáo trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với chị T. Đối với 03 công nhân ngồi uống nước ở quán bà Nguyễn Thị V được bị cáo nhờ khiêng cuộn Inox lên xe kéo: Không xác định được họ là ai, họ không biết đây là tài sản bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với 03 người trên.

[9]. Về án phí: Bị cáo S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[10].Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Khiếu Hữu S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Khiếu Hữu S 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Anh Bùi Đức Q đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thiệt hại bị xâm phạm. Chị Phùng Thị T không yêu cầu bị cáo phải thanh toán số tiền bán cuộn inox nên không giải quyết.

4. Về vật chứng: Trả lại một xe môtô nhãn hiệu Wave @ màu đỏ, biển kiểm soát 34M4- 5483, số tiền 300.000 đồng, một xe lôi 03 bánh tự chế và một đăng ký xe môtô số 0041562 mang tên Vũ Văn T1 cho bị cáo.

(Toàn bộ số vật chứng trên Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có đặc điểm mô tả như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 10 năm 2022).

5. Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo Khiếu Hữu S.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28/10/2022. Anh Q, chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;*
- *CQCSĐT Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Chi cục THADS thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh